

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/NVT/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Cơ sở Nguyễn Văn Thiêm

Địa chỉ: Tân Hưng - Chí Tân - Khoái Châu - Hưng Yên

Điện thoại: 01225207731

E-mail:.....

Mã số chi nhánh số: 05f8006163, Đăng ký thay đổi lần 1 ngày 3/3/2018, nơi cấp:

Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Khoái Châu

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 08/2018/NNPTNT-HY ngày cấp:
23/5/2018, Nơi cấp: UBND huyện Khoái Châu.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Bột mầm đậu nành XFAM

2. Thành phần: Mầm đậu nành

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói bằng túi PE, lọ nhựa, lọ thủy tinh đạt quy chuẩn quốc gia về bao bì chứa đựng thực phẩm. Khối lượng: 5g, 7g, 10g, 13g, 100g, 150g, 200g, 250g, 300g, 350g, 400g, 500g, 1kg.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Cơ sở Nguyễn Văn Thiêm

Địa chỉ: Tân Hưng - Chí Tân - Khoái Châu - Hưng Yên

Điện thoại: 01225207731

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (có mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm 2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.

- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.

- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định về an toàn thực phẩm.

Hưng Yên, ngày 11 tháng 6 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Thiêu
Nguyễn Văn Thiêu.

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

Bột mầm đậu nành XFAM

Thành phần: Mầm đậu nành

Ngày sản xuất:

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn sử dụng:

- Sử dụng bằng cách uống trực tiếp. Pha 1 gói với 200 ml nước ấm (50-70)⁰C sau đó khuấy đều khi uống.

Bảo quản:

- Sản phẩm được sử dụng trực tiếp nên dùng ngay sau khi đã được mở.

- Bảo quản sản phẩm nơi khô mát.

Tổ chức, cá nhân: Cơ sở Nguyễn Văn Thiêm

Địa chỉ: Tân Hưng - Chí Tân - Khoái Châu - Hưng Yên

Điện thoại: 01225207731

Khối lượng tịnh:



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 238-1/Labo XNATVSTP

Tên mẫu/Name of Sample: Bột mầm đậu nành XFAM

Mã số/Code: 0518238-1

Số lượng mẫu/Quantity: 01 mẫu

Tình trạng mẫu/Conditional keeping: Mẫu được đóng gói kín

Người/Đơn vị gửi mẫu/Customer: Cơ sở Nguyễn Văn Thiêm

Địa chỉ/ Add: Tân Hưng – Chí Tân - Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

Ngày gửi mẫu/Date of receiving : 31/5/2018

Thời gian kiểm nghiệm/ Testting time: Từ 31/5/2018 đến ngày 7/6/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM (Test Result)

TT	Chỉ tiêu (Specification)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp (Test method)	Kết quả (Result)
1	Tổng số vsv hiếu khí *	CFU/g	TCVN 4884:2005	$1,2 \times 10^2$
2	Định lượng tổng số NM - NM/ngũ cốc*	CFU/g	TCVN 6554:1999	40
3	Tổng số Coliform*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH
4	E.coli dương tính β -glucuronidaza*	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH
5	Định lượng Staphylococcus aureus*	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH
6	Định lượng Clostridium perfringens	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH
7	Định lượng Bacillus cereus*	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH
8	Độ ẩm	%	HPP/13	2,0
9	Hàm lượng Gluxit	%	TCVN 4594:88	42,0
10	Hàm lượng isoflavon	mg/100g	HPLC	520

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.

3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.

4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.

11	Cadimi	mg/kg	AOAC/AAS	KPH
12	Chì	mg/kg	AOAC/AAS	KPH

KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)

Hải Dương, ngày 7 tháng 6 năm 2018



LÃNH ĐẠO TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ
HẢI DƯƠNG

Labo XNATVSTP

ThS. Hoàng Thị Thu Huyền

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Quang Cảnh

1. Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không được sự đồng ý của Labo Xét nghiệm ATVSTP.
3. Chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS.
4. Không nhận khiếu nại kết quả kiểm nghiệm trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn mẫu lưu theo qui định.